

Bài học ngày 4.3.2022

BÀI 31. BIẾN CÁCH CỦA NHÂN XUNG ĐẠI TỪ



Văn phạm

1. Biến cách của nhân xưng đại từ ngôi thứ nhất: amha

Nhân xưng đại từ

Số ít | Số nhiều

Chủ cách	ahaṃ = tôi mayaṃ, amhe = chúng tôi
Đối cách	maṃ, mamaṃ amhe, amhākaṃ, no
Sở dụng cách	mayā, me amhehi, no
Xuất xứ cách	mayā amhehi
Chỉ định cách	mama, mayhaṃ, mamaṃ, me amhaṃ, amhākaṃ, no
Sở thuộc cách	mama, mayhaṃ, mamaṃ, me amhaṃ, amhākaṃ, no
Định sở cách	mayi amhesu

2. Biến cách của nhân xưng đại từ ngôi thứ hai: tumha

Số ít | Số nhiều

Chủ cách	tvaṃ, tuvaṃ = amj tumhe = you
Đối cách	taṃ, tavaṃ, tuvaṃ tumhe, tumhākaṃ, vo
Sở dụng cách	tvayā, tayā, te tumhehi, vo
Xuất xứ cách	tvayā, tayā tumhehi, vo
Chỉ định cách	tava, tuyhaṃ, te tumhaṃ, tumhākaṃ, vo
Sở thuộc cách	tava, tuyhaṃ, te tumhaṃ, tumhākaṃ, vo
Định sở cách	tvayi, tayi tumhesu

PĀLI VUI ĐỀ HỌC

NÓI THEO THÓI QUEN VÀ NÓI CHÍNH XÁC

Phật giáo Việt Nam mang ảnh hưởng lớn từ Phật giáo Trung Hoa nên có những cách nói thoát nghe không có gì sai nhưng nếu phân tích kỹ thì không phù hợp lắm theo tam tạng kinh điển. Dưới đây là một vài thí dụ.

Người Phật tử thường nói có ba pháp nên hành trì là bố thí, trì giới và tham thiền. Nghe rất gọn và dễ hiểu. Tuy vậy pháp thứ ba, tham thiền, thật ra là chữ dịch không chuẩn lắm của chữ bhavana. Chữ thiền nói chính xác là phiên âm của chữ jhāna là sự tu tập tịnh chỉ với năm thiền chi (tâm, tứ, hỷ, lạc, định). Chữ bhavana mang ý nghĩa tu tập nội tâm. Jhāna là một phần của bhavana nhưng không thể dùng đồng nghĩa. Nói cách khác là chữ “tham thiền” mang ý nghĩa hẹp hơn chữ bhavana.

Một câu nói quen thuộc khác đó là lời dịch Phật ngôn:

Không làm các điều ác
Gắng làm các việc lành
Luôn tu tâm, tịnh ý
Đó là lời Phật dạy

Câu đầu hoạt nghe thì rất “ôn” hay dịch rất sát câu “chư ác mạc tác” nhưng nếu đọc vào Pāli thì câu Sabbapāpassa akaraṇaṃ có chữ sabba nghĩa là “không làm tất cả điều ác” hay “không làm bất cứ điều ác nào” trong bản chữ Hán dịch như thể biên ngẫu: “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” không nói được một điều sai biệt là đối với điều ác thì tất cả đều không làm; còn đối với điều thiện thì không có chữ “tất cả” vì không ai có thể làm được tất cả điều thiện. Hai câu thoát nghe thì đối xứng thật ra thì trong đó có sự khác biệt giữa cái có thể và cái không có thể.

Còn câu niệm Phật “Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu Ni Phật” thường được sử dụng bởi tất cả Phật tử thuộc cả hai truyền thống Bắc tông và Nam tông. Thực tế thì câu niệm này có cơ sở từ nền văn hoá thờ phượng nhiều vị Phật của Phật giáo Đại thừa. Chính do điểm này nên trong nhiều vị Phật như Phật A Di Đà, Phật Dược Sư, Phật Tỳ Lô Giá Na... thì Đức Phật Thích Ca là “bổn sư”. Tại các quốc gia Phật giáo Nam Tông thì không bao giờ niệm Phật có đi kèm với chữ “bổn sư” như vậy. Nói đến Phật thì hiểu ngay là Đức Phật hiện tại; nói đến chư Phật thì hiểu là chư Phật trong quá khứ, hiện tại, tương lai. Còn điểm này nữa: Nói theo Phật tông (Buddhavaṃsa) thì Đức Phật hiện tại là Đức Gotama (Cồ Đàm). Chữ Thích Ca Mâu Ni – Sakya Muni

– có nghĩa là bậc hiền thánh dòng Thích Ca. Gọi như vậy không phải là sai nhưng không chuẩn lắm.

Chúng ta là Phật tử chỉ lễ Phật, cúng Phật tự nhiên là nghĩ tới Bạc Đạo Sư nghĩa là Đức Phật hiện tại không cần phải nêu danh tánh (cũng có ý kiến khác là thay vì “Namo Buddhāya – đánh lễ Phật thì nên đổi thành Namo Buddhānaṃ - đánh lễ chư Phật. Thật ra thì số ít hay số nhiều ở đây không cần thiết. Cứ lễ Phật, cúng dường Phật là đủ rồi)

Người ta nói “phép vua thua lệ làng”. Có rất nhiều cách nói, cách dùng từ theo thói quen hay văn hoá. Rất khó để chỉnh đốn một sớm một chiều. Dù thế nào thì người học Phật nghiêm túc cũng nên quan tâm. Biết cái gốc thì bớt chấp sai theo ngọn. Còn vui hay không ... là chuyện khác.

PĀLI NGHI THỨC NHẬT HÀNH

ĐÁNH LỄ VÀ CÚNG DƯỜNG TAM BẢO

**Taṃ arahādiguṇasaṃyuttaṃ buddhaṃ siraśā namāmi.
Taṃca buddhaṃ imehi sakkārehi abhipūjayāmi.**

**Taṃ svākkhātādiguṇasaṃyuttaṃ dhammaṃ siraśā namāmi.
Taṃca dhammaṃ imehi sakkārehi abhipūjayāmi.**

**Taṃ supaṭipannādiguṇasaṃyuttaṃ saṅghaṃ siraśā namāmi.
Taṃca saṅghaṃ imehi sakkārehi abhipūjayāmi.**



Bài tập

Bài tập 31

A. Dịch tiếng Pāli sang tiếng Việt

1. Mama ācariyo maṃ vācento potthakaṃ (book) likhi (wrote).
2. Maṃ bhaginī gilānaṃ (sick) pitaraṃ posesi.
3. Dātāro bhikkhūnaṃ dānaṃ dentā amhe pi bhojāpesuṃ.

4. Tumhākaṃ dhītaro kuhiṃ (where) gamissanti?
5. Amhākaṃ dhītaro satthāraṃ namassituṃ Veḷuvanaṃ gamissanti.
6. Amhaṃ kammāni karontā dāsā (servants) pi sappurisā bhavanti.

B. Dịch Tiếng Việt sang tiếng Pāli

1. Mong con cháu của chúng ta trường thọ và hạnh phúc
2. Những cây không nên bị cắt bởi chúng tôi hay các anh
3. Vị vua của ngài đã đến hòn đảo cùng với quần thần và đánh bại kẻ thù
4. Tôi đã lượm những hạt giới do anh rải trên mặt đất
5. Thầy của chúng ta là bậc trí tuệ và là người có danh tiếng đã dạy chúng ta giáo pháp
6. Con chim ăn trái bằng cái mỏ được bạn nhìn thấy

Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình